|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GDĐT BẮC NINH**Trường THPT THUẬN THÀNH SỐ 1**--------------------*(Đề thi có 4 trang)* | **KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG CUỐI HỌC KÌ 1NĂM HỌC 2023 - 2024MÔN: VẬT LÝ 10***Thời gian làm bài: 50 Phút(không kể thời gian phát đề)* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Họ và tên: ............................................................................ | Số báo danh: ....... | **Mã đề 108** |

**Câu 1.** Lực ma sát trượt **không** phụ thuộc vào

 **A.** tình trạng bề mặt tiếp xúc. **B.** diện tích bề mặt tiếp xúc.

 **C.** áp lực của vật tác dụng lên bề mặt tiếp xúc. **D.** tính chất vật liệu bề mặt tiếp xúc.

**Câu 2.** Chọn phương án **sai** khi nói về những quy tắc an toàntrong phòng thí nghiệm?

 **A.** Kiểm tra cẩn thận thiết bị, phương tiện, dụng cụ thí nghiệm trước khi sử dụng.

 **B.** Chỉ tiến hành thí nghiệm khi được sự cho phép của giáo viên hướng dẫn thí nghiệm.

 **C.** Đọc kĩ hướng dẫn sử dụng thiết bị và quan sát các chỉ dẫn, các kí hiệu trên các thiết bị thí nghiệm.

 **D.** Tắt công tắc nguồn thiết bị điện sau khi cắm hoặc tháo thiết bị điện.

**Câu 3.** Một vật được ném theo phương ngang, chuyển động của vật theo phương nằm ngang là

 **A.** chuyển động nhanh dần đều. **B.** rơi tự do.

 **C.** chuyển động chậm dần đều. **D.** chuyển động thẳng đều.

**Câu 4.** Để so sánh mức độ chính xác của hai phép đo người ta dùng sai số

 **A.** tỉ đối. **B.** ngẫu nhiên. **C.** tuyệt đối. **D.** hệ thống.

**Câu 5.** Một vật đang chuyển động với vận tốc 3 m/s. Nếu bỗng nhiên các lực tác dụng lên nó mất đi thì

 **A.** vật đổi hướng chuyển động.

 **B.** vật dừng lại ngay.

 **C.** vật tiếp tục chuyển động theo hướng cũ với vận tốc 3 m/s.

 **D.** vật chuyển động chậm dần rồi dừng lại.

**Câu 6.** Chất điểm, tia sáng thuộc loại mô hình nào?

 **A.** Mô hình thực nghiệm. **B.** Mô hình lý thuyết.

 **C.** Mô hình tính toán. **D.** Mô hình vật chất.

**Câu 7.** Đại lượng đặc trưng cho mức độ nhanh hay chậm của chuyển động theo một hướng xác định gọi là

 **A.** tốc độ. **B.** vận tốc. **C.** độ dịch chuyển. **D.** gia tốc.

**Câu 8.** Trong các phép đo dưới đây, đâu là phép đo gián tiếp?

(1) Dùng thước đo chiều cao. (2) Dùng đồng hồ đo thời gian.

(3) Đo gia tốc rơi tự do. (4) Đo vận tốc của vật khi chạm đất.

 **A.** (1), (2), (4). **B.** (3), (4). **C.** (2), (3), (4). **D.** (1), (3).

**Câu 9.** Một vật chuyển động trên đường thẳng với đồ thị độ dịch chuyển - thời gian như hình vẽ. Vật này chuyển động

 **A.** nhanh dần đều. **B.** chậm dần đều.

 **C.** thẳng đều. **D.** có vận tốc biến đổi.

**Câu 10.** Chọn câu **sai** về chức năng của đồng hồ đo thời gian hiện số?

 **A. MODE A:** Đo thời gian vật chắn cổng quang điện nối với ổ A.

 **B. MODE:** Chọn kiểu làm việc cho máy đo thời gian.

 **C. Nút RESET:** Tắt đồng hồ.

 **D. Nút RESET:** Đặt lại chỉ số của đồng hồ về giá trị 0.000.

**Câu 11.** Hai đại lượng nào sau đây là đại lượng vectơ?

 **A.** Quãng đường và độ dịch chuyển. **B.** Quãng đường và tốc độ.

 **C.** Độ dịch chuyển và vận tốc. **D.** Tốc độ và vận tốc.

**Câu 12.** Một vật rơi tự do từ độ cao h xuống mặt đất ở nơi có gia tốc rơi tự do là g. Công thức tính thời gian rơi của vật là

 **A.** $\sqrt{\frac{2ℎ}{g}}$ . **B.** $\sqrt{2gℎ}$ . **C.** $\frac{2ℎ}{g}$ . **D.** $\sqrt{\frac{2g}{ℎ}}$ .

**Câu 13.** Trong chuyển động thẳng biến đổi đều gia tốc

 **A.** có giá trị tăng đều hoặc giảm đều theo thời gian.

 **B.** là một hằng số khác 0.

 **C.** có giá trị bằng 0.

 **D.** chỉ không thay đổi về độ lớn còn hướng luôn thay đổi.

**Câu 14.** Chọn phát biểu **không** đúng? Nhờ có lực nâng của chất lưu mà

 **A.** tàu thuyền có thể di chuyển được trên mặt nước.

 **B.** máy bay có thể di chuyển được trong không khí.

 **C.** nhiều sinh vật bay lượn dễ dàng trong không khí.

 **D.** vận động viên nhảy dù lúc bung dù có thể tiếp đất an toàn.

**Câu 15.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

 **A.** Trọng lượng tỉ lệ nghịch với khối lượng của vật.

 **B.** Độ lớn của trọng lực tác dụng vào vật gọi là trọng lượng.

 **C.** Điểm đặt của trọng lực là trọng tâm của vật.

 **D.** Trọng lực là lực hút của Trái Đất tác dụng lên vật.

**Câu 16.** Cặp lực và phản lực **không** phải là hai lực cân bằng vì

 **A.** điểm đặt của chúng trên cùng một vật. **B.** chúng có độ lớn không bằng nhau.

 **C.** điểm đặt của chúng ở hai vật khác nhau. **D.** chúng không cùng giá.

**Câu 17.** Đồ thị mô tả chuyển động thẳng nhanh dần đều là

0

t

v

(I)

0

t

v

(II)

0

t

v

(III)

0

t

v

(IV)

 **A.** đồ thị (I) và (III). **B.** chỉ có đồ thị (I). **C.** đồ thị (II) và (III). **D.** đồ thị (I) và (IV).

**Câu 18.** Người ta ném ngang một vật tại một vị trí nhất định, nếu tăng tốc độ ném lên hai lần thì thời gian chuyển động của vật

 **A.** tăng hai lần. **B.** tăng bốn lần. **C.** giảm hai lần. **D.** không thay đổi.

**Câu 19.** Hợp lực tác dụng vào một vật đang chuyển động thẳng đều bằng hợp lực tác dụng vào vật đó khi nó

 **A.** rơi tự do. **B.** chuyển động thẳng chậm dần đều.

 **C.** đứng yên. **D.** chuyển động thẳng nhanh dần đều.

**Câu 20.** Một chiếc ca nô đang chuyển động ngược dòng nước với vận tốc 30 km/h so với dòng nước, vận tốc của dòng nước so với bờ sông có độ lớn là 5 km/h. Vận tốc của ca nô so với bờ sông là

 **A.** 25 km/h. **B.** 15 km/h. **C.** 35 km/h. **D.** 20 km/h.

**Câu 21.** Một hộp quả cân Roberval gồm các quả cân có khối lượng 1 g, 2 g, 5 g, 10 g, 20 g,100 g, 200 g. Giới hạn đo và độ chia nhỏ nhất của cân lần lượt là

 **A.** 200 g và 1g **B.** 338 g và 0,5 g **C.** 200 g và 0,5 g **D.** 338 g và 1 g

**Câu 22.** Hai lực có giá đồng quy có độ lớn 7 N và 13 N. Độ lớn hợp lực của hai lực này không thể nhận giá trị nào sau đây?

 **A.** 13 N. **B.** 20 N. **C.** 22 N. **D.** 7 N.

**Câu 23.** Một vật có khối lượng 4 kg đang ở trạng thái nghỉ được truyền một hợp lực 8 N. Gia tốc vật thu được là

 **A.** 5m/s2. **B.** 3 m/s2. **C.** 2 m/s2. **D.** 4m/s2.

**Câu 24.** Tìm phát biểu **đúng** ?

 **A.** Hợp lực tác dụng lên vật không đổi thì vật chuyển động thẳng đều.

 **B.** Gia tốc của vật luôn luôn cùng chiều với hợp lực tác dụng lên nó.

 **C.** Vật luôn luôn chuyển động cùng chiều với hợp lực tác dụng lên nó.

 **D.** Hợp lực tác dụng lên vật giảm dần thì vật chuyển động chậm dần.

**Câu 25.** Cho các hiện tượng sau:

(1) Khi đi trên sàn đá hoa mới lau dễ bị ngã. (2) Mặt giấy ở sườn bao diêm thường rất nhám.

(3) Giày đi mãi đế bị mòn gót. (4) Làm mặt bảng không quá trơn, phấn không quá cứng.

Số hiện tượng mà ma sát có lợi là

 **A.** 2. **B.** 3. **C.** 4. **D.** 1.

**Câu 26.** Một ô tô đang chuyển động thẳng với vận tốc 10 m/s thì tăng tốc, sau 5 s đạt vận tốc 20 m/s. Gia tốc của ô tô trong thời gian này bằng

 **A.** 4 m/s2. **B.** 6 m/s2. **C.** 2 m/s2. **D.** 10 m/s2.

**Câu 27.** Một vật chuyển động trên một đường thẳng Ox, chiều dương là chiều Ox. Trong một khoảng thời gian xác định, trường hợp nào sau đây độ lớn vận tốc trung bình của vật nhỏ hơn tốc độ trung bình của nó?

 **A.** Vật chuyển động theo chiều âm và không đổi chiều.

 **B.** Vật chuyển động theo chiều dương và sau đó đổi chiều chuyển động.

 **C.** Không có điều kiện nào thỏa mãn yêu cầu của đề bài.

 **D.** Vật chuyển động theo chiều dương và không đổi chiều.

**Câu 28.** Một vật ném xiên từ mặt đất có quỹ đạo chuyển động như hình vẽ. Phát biểu nào sau đây là **không** đúng khi vật ở vị trí điểm I?



 **A.** Vận tốc của vật hướng theo phương nằm ngang. **B.** Tốc độ của vật bằng không.

 **C.** Tốc độ của vật đạt giá trị nhỏ nhất. **D.** Gia tốc của vật thẳng đứng hướng xuống.

**Câu 29.** Quan sát đồ thị vận tốc - thời gian của một vật đang chuyển động thẳng. Quãng đường vật đi được trong khoảng thời gian nào là lớn nhất?

 **A.** Trong khoảng thời gian từ 0 đến 1 s.

 **B.** Trong khoảng thời gian từ 2 s đến 3 s.

 **C.** Trong khoảng thời gian từ 3 s đến 4 s.

 **D.** Trong khoảng thời gian từ 1 s đến 2 s.

**Câu 30.** Hình vẽ bên là đồ thị độ dịch chuyển - thời gian của một vật trên chuyển động trên một đường thẳng. Vận tốc của vật tại thời điểm t = 2 h

 **A.** 60 km/h**.** **B.** bằng 18 km/h**.**

 **C.** chưa thể xác định được. **D.** 90 km/h.

**Câu 31.** Một vật được ném theo phương ngang với tốc độ ban đầu 8 m/s.

Lấy g = 10 m/s2. Coi sức cản không khí là không đáng kể. Sau khi ném 2 s véc tơ vận tốc hợp với phương ngang một góc

 **A.** 48,6°. **B.** 84,7°. **C.** 68,2°. **D.** 37,5°.

**Câu 32.** Một người đi xe máy đi từ ngã tư (Hình 5.1) với tốc độ trung bình 30 km/h theo hướng Bắc.Sau 2 phút người đó đi đến vị trí nào trên hình?

 **A.** Đến vị trí D. **B.** Đến vị trí I. **C.** Đến vị trí G. **D.** Đến vị trí E.

**Câu 33.** Một chiếc thuyền máy đang chuyển động đều dọc theo một dòng sông. Lực đẩy của động cơ của thuyền là 500 N. Khối lượng của thuyền là 1 tấn. Lấy g = 10 m/s2. Lực nâng của nước tác dụng lên thuyền là

 **A.** 500 N. **B.** 10000 N. **C.** 1500 N. **D.** 1000 N.

**Câu 34.** Một ô tô chạy thử nghiệm trên một đoạn đường thẳng. Cứ 3 s thì có một giọt dầu từ động cơ của ô tô rơi thẳng xuống mặt đường. Hình vẽ cho thấy mô hình các giọt dầu để lại trên mặt đường. Ô tô chuyển động trên đường này với tốc độ trung bình là



 **A.** 15 m/s. **B.** 25km/h. **C.** 12,5 m/s. **D.** 90 km/h.

**Câu 35.** Thả một hòn đá từ miệng giếng. Sau 3,96 s từ lúc thả thì nghe thấy tiếng hòn đá chạm đáy giếng. Biết g = 9,8 m/s2 và tốc độ truyền âm trong không khí là 330 m/s. Bỏ qua lực cản của không khí. Chiều sâu của giếng là

 **A.** 76 m. **B.** 82 m. **C.** 58 m. **D.** 69 m.

**Câu 36.** Một vật có khối lượng 2 kg đang chuyển động thẳng đều, tác dụng vào vật hợp lực $\vec{F}$ . Đồ thị biểu diễn sự phụ thuộc của vận tốc của vật theo thời gian có dạng như hình vẽ. Tìm kết luận **đúng** về $\vec{F}$?

**3**

**6**

**9**

v(m/s)

t(s)))

 **A.** Độ lớn 4 N, ngược hướng với chuyển động.

 **B.** Độ lớn 6 N, ngược hướng với chuyển động.

 **C.** Độ lớn là 4 N, cùng hướng với chuyển động.

 **D.** Độ lớn 6 N, cùng hướng với chuyển động.

**Câu 37.** Một vật chuyển động thẳng có đồ thị vận tốc- thời gian như hình vẽ. Tỉ số về gia tốc của vật trong giai đoạn nhanh dần đều với giai đoạn chậm dần đều là

1. **-** . **B.** 3

**C. -** 3. **D.** .

**Câu 38.** Người ta truyền cho vật một vận tốc ban đầu v0, vật trượt trên sàn nhà nằm ngang có hệ số ma sát là $μ$. Đồ thị phụ thuộc của vận tốc của vật vào thời gian như hình vẽ. Lấy g = 10 m/s2. Giá trị của $μ$ là

 **A.** 0,4. **B.** 0,5. **C.** 0,16. **D.** 0,1.

**Câu 39.** Một vật được ném xiên từ mặt đất với tốc độ ban đầu vo không đổi, khi tầm bay xa đạt cực đại là Lmax thì tầm cao của vật khi đó là

 **A.** $\frac{L\_{max}}{4}$ . **B.** $\frac{L\_{max}}{2\sqrt{2}}$. **C.** $\frac{L\_{max}\sqrt{2}}{2}$ . **D.** $\frac{L\_{max}}{2}$ .

**Câu 40.** Một quả bóng khối lượng 200 g bay với vận tốc 90 km/h đến đập vuông góc vào tường rồi bật ngược trở lại theo phương cũ với tốc độ 54 km/h. Thời gian va chạm giữa bóng và tường là 0,05 s. Lực mà tường tác dụng lên quả bóng là

 **A.** - 160 N. **B.** 120 N. **C.** - 120 N. **D.** 160 N.

***------ HẾT ------***